

Bản án số: 05 /2021/HNGĐ - ST  
Ngày: 07/4/2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI**

**- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ksor H'Đuen

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Xuân Uả

2. Bà Phạm Thị An

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, về việc: “*Ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1987.

Bị đơn: Anh Lê Văn T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn B, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Anh T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị T1 có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 24/11/2020, nguyên đơn chị Trần Thị T1 trình bày:*

Chị và anh T2 tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2004 tại UBND xã Ia Sol, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

Cuộc sống chung của vợ chồng sau kết hôn không có hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách nên thường xuyên to tiếng qua lại với nhau. Điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh T2 vẫn không chịu khó làm mà còn thường xuyên rượu chè rồi

đánh đập chị T1. Một mình chị T1 phải gồng gánh lo kinh tế gia đình và chăm sóc các con. Chị T1 đã khuyên bảo anh T2 nhiều lần nhưng anh T2 vẫn không thay đổi. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khi không có sự chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Đến năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên chị T1 và các con về nhà mẹ đẻ chị T1 sinh sống và ly thân với anh T2 cho đến bây giờ. Nay chị xét thấy không thể chung sống với anh T2 nữa vì tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết các yêu cầu như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh T2.

- *Về việc nuôi con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Tiến Đ, sinh ngày 15/12/2005 và Lê Trần Thiên Y, sinh ngày 16/10/2009. Chị T1 nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung. Không yêu cầu anh T2 không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh chị không nợ ai và không ai nợ anh chị.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2021, bị đơn anh Lê Văn T2 trình bày:*

Anh và chị T1 kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2004 tại UBND xã Ia Sol, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Anh thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn to tiếng, va chạm với nhau và đã có thời gian sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị T1 nhất quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Quan điểm của anh về các yêu cầu khởi kiện của chị T1 như sau.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T1 nhất quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: 02 con chung là Lê Tiến Đ, sinh ngày 15/12/2005 và Lê Trần Thiên Y, sinh ngày 16/10/2009. Tùy vào nguyện vọng con chung muốn ở với ai thì tôn trọng ý kiến của con.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Không có.

*\*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp chứng cứ, tham gia các buổi hòa giải và tham gia phiên tòa. Các thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tiến hành đầy đủ, đúng thủ tục, các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong tranh tụng tại phiên tòa được bảo đảm thực hiện.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T1, xử cho chị T1 ly hôn anh T2 vì mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng.

Đề nghị HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị T1. Giao cho chị T1 trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Lê Tiến Đ, sinh ngày

15/12/2005 và Lê Trần Thiên Y, sinh ngày 16/10/2009 . Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Buộc chị T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### *[1] Về tố tụng:*

Chị Trần Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh Lê Văn T2. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T2 là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống thường xuyên tại Thôn Bình Trang, xã Ia Peng, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Lê văn T2 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### *[2] Về quan hệ hôn nhân*

Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn T2 và chị Trần Thị T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2004 tại UBND xã Ia Sol, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh T2 không lo làm ăn kinh tế mà thường xuyên rượu chè, đánh đập chị T1. Vợ chồng không có sự chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, một mình chị T1 phải gánh vác kinh tế gia đình và chăm sóc các con. Từ đó, cuộc sống của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Anh chị đã ly thân nhau từ năm 2019 và không còn quan tâm đến nhau. Đối với anh T2, anh cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, chị T1 yêu cầu giải quyết ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T1 là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T2 cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 đối với anh T2.

#### *[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.*

Xét nguyện vọng nuôi con của chị T1 và xem xét nguyện vọng của con chung và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, thấy rằng cần tiếp tục giao cho chị T1 trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung. Do vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị T1 tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Lê Tiến Đ, sinh ngày 15/12/2005 và Lê Trần Thiên Y, sinh ngày 16/10/2009. Do chị T1 không yêu cầu nên anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

#### *[4] Về tài sản và công nợ chung.*

Các đương sự không có tài sản chung, không nợ ai không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*[5] Về án phí.*

Chị Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T1.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị T1 ly hôn với anh Lê Văn T2.

- *Về việc nuôi con chung:*

Giao cho chị Trần Thị T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lê Tiến Đ, sinh ngày 15/12/2005 và Lê Trần Thiên Y, sinh ngày 16/10/2009. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời hạn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị T1 tính từ hôm nay (07/4/2021) cho đến khi con chung T2 niên, hoặc đã T2 niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về án phí:*

Chị Trần Thị T1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007489 ngày 24/11/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển T2 tiền án phí sung công quỹ.

- *Quyền kháng cáo:*

Chị T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 07/4/2021. Anh T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Phú Thiện;
- Chi cục THA DS huyện Phú Thiện;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Ksor H'Duen**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Phú Thiện;
- Chi cục THA DS huyện Phú Thiện;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**